

THEO DÕI TIẾP NHẬN, XỬ LÝ VÀ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
HỒ SƠ CÔNG VIỆC CHUYỂN MÓN THUỘC SỞ

1. Thông tin tiếp nhận:

1. Số, lý lịch và tài sản: 1361

Ngày tiếp 03/9/2012

2. Tiếp nhận từ chuyên viên phòng chuyên môn

Ngày

Đ. Ý kiến chỉ đạo, xử lý của Lãnh đạo

3. Ý kiến chỉ đạo của Giám đốc

VP Sam, ban chấp hành ủy CH XCCCS

Ngày 03/9/2012

2

2. Ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo phụ trách

Thời hạn xử lý của phòng chuyên môn

Ngày

Thời hạn xử lý của phòng chuyên môn

Ngày

Ngày

III. Kết quả giải quyết

1. Số hồ sơ đang xử lý công tác tiếp nhận

2. Phòng chuyên môn tiếp nhận

Chức vụ

Ngày

Ngày

Chức vụ

Ngày

Ngày

3. Lãnh đạo Sở tiếp nhận

Ngày

Ngày

4. Phòng chuyên môn tiếp nhận và ban chấp hành chỉ đạo

Ngày

Ngày

5. Văn thư phân phối văn bản

Ngày

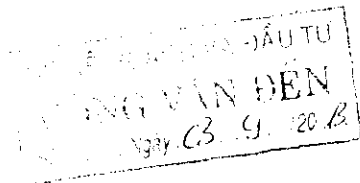
Ngày

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1361/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 30 tháng 8 năm 2013



QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch chế biến nông, lâm sản
tỉnh Đắk Nông đến năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/09/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2118/QĐ-UBND ngày 30/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt rà soát, bổ sung Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011 đến 2020, có xét đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 22/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc quy định trình tự lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 1035-TB/TU ngày 05/8/2013 của Tỉnh ủy Đắk Nông về việc thông báo ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Nông về việc quy hoạch vùng sản xuất thực phẩm và chế biến nông, lâm sản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 168/TTr-SNN ngày 12 tháng 8 năm 2013.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chế biến nông, lâm sản tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, với các nội dung chủ yếu như sau:

A. Tên quy hoạch: Quy hoạch chế biến nông, lâm sản tỉnh Đắk Nông đến năm 2020.

B. Nội dung quy hoạch:

I. Mục tiêu:

1. Mục tiêu tổng quát:

Từng bước tổ chức sắp xếp lại mạng lưới chế biến nông, lâm sản; nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm nông, lâm sản thông qua chế biến, bảo quản tập trung vào các sản phẩm có lợi thế và giá trị cao, phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Đến năm 2015:

- Ưu tiên tập trung đầu tư các cơ sở chế biến có lợi thế cạnh tranh với những nguyên liệu có thể mạnh tại địa phương như: Chế biến Cà phê, Cao su, hạt Điều, Mía đường; chế biến súc sản; chế biến lâm sản.

- Củng cố và tổ chức tốt các cơ sở chế biến hiện có trong các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp hoặc các cơ sở chế biến đã được giao đất, cho thuê đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, di dời các cơ sở chế biến không phù hợp với quy hoạch về các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp để quản lý.

- Công nghiệp chế biến nông, lâm sản tăng bình quân 12,7%, (Chế biến nông sản 13%, chế biến gỗ và lâm sản khác 12%) chiếm tỷ trọng 39,51% giá trị sản xuất công nghiệp.

b) Giai đoạn 2016 - 2020:

- Ưu tiên các cơ sở sản xuất các sản phẩm chế biến sử dụng công nghệ kỹ thuật cao, thực phẩm tiêu dùng như: Cà phê bột, Cà phê hòa tan, Hồ tiêu xuất khẩu, Dầu ăn; các mặt hàng lâm nguyên liệu cho công nghiệp trong và ngoài nước như: Cao su mù khô; bông sợi; đồ gỗ cao cấp, đồ gỗ thủ công mỹ nghệ, khai thác nguồn nguyên liệu và lao động tại chỗ.

- Chuyển đổi trang thiết bị, công nghệ các cơ sở chế biến lâm sản chuyên sản xuất các sản phẩm là gỗ xẻ xây dựng cơ bản sử dụng nguyên liệu từ gỗ tự nhiên sang gỗ rừng trồng để sản xuất các sản phẩm gỗ tinh chế, đồ gỗ nội thất cao cấp, đồ gỗ thủ công mỹ nghệ.

- Tiếp tục di dời các cơ sở chế biến không phù hợp với quy hoạch và các cơ sở chế biến gây ô nhiễm môi trường vào các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất giai đoạn 2016 - 2020 của công nghiệp chế biến là 22,47% (chế biến nông sản 20%, chế biến gỗ và lâm sản khác 28%), năm 2020 tỷ trọng chiếm 38,89% trong cơ cấu công nghiệp.

II. Nội dung chủ yếu của quy hoạch:

1. Quy hoạch chế biến nông sản:

1.1. Chế biến Cà phê:

a) Đến năm 2015:

- Chế biến ướt: Tổ chức hoạt động tốt các cơ sở chế biến ướt đã có trên địa bàn các huyện: Công ty Cà phê Tháng 10 tại huyện Tuy Đức; Công ty Cà phê Đắk Nông tại huyện Đắk R'lấp.

- Chế biến Cà phê nhân xuất khẩu:

+ Xây dựng 01 cơ sở chế biến Cà phê nhân xuất khẩu tại huyện Đắk Mil, công suất 30.000 tấn/năm.

+ Xây dựng tại các huyện: Krông Nô, Đắk R'lấp 02 nhà máy chế biến Cà phê nhân xuất khẩu, công suất mỗi nhà máy 10.000 tấn/năm.

- Chế biến Cà phê bột: Xây dựng tại các huyện: Đắk R'lấp, Đắk Mil mỗi huyện 01 cơ sở chế biến Cà phê bột, công suất 500 tấn/năm.

b) Giai đoạn 2016 - 2020:

- Huyện Đắk Mil: Xây dựng 2 cơ sở chế biến ướt công suất mỗi cơ sở 3.000 tấn/năm.

- Huyện Đắk R'lấp: Xây dựng 02 cơ sở chế biến ướt, công suất mỗi cơ sở 2.000 tấn/năm.

- Huyện Đắk Song: Xây dựng 01 cơ sở chế biến công suất 4.000 tấn/năm.

- Huyện Tuy Đức: Xây dựng 01 cơ sở chế biến công suất 3.000 tấn/năm.

- Thị xã Gia Nghĩa: Xây dựng 01 cơ sở chế biến Cà phê bột công suất 1.000 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Chế biến Cao su:

a) Đến năm 2015:

- Đưa vào hoạt động nhà máy chế biến mủ Cao su Việt Bun tại xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức công suất 12.000 tấn nguyên liệu/năm.

- Đầu tư đổi mới công nghệ nâng cấp nhà máy chế biến mủ Tờ tại xã Đắk Lao, huyện Đắk Mil công suất từ 1.000 tấn lên 2.000 tấn nguyên liệu/năm.

- Xây dựng nhà máy chế biến mủ Cao su tại các huyện: Krông Nô, Cư Jút công suất 5.000 tấn/năm.

- Xây dựng một số nhà máy sản xuất các sản phẩm sử dụng nguyên liệu từ mủ Cao su (Dây cua roa, băng tải, các loại đệm mủ, vv...) tại Khu công nghiệp Nhân Cơ hoặc Cụm công nghiệp BMC xã Đắk Ha, huyện Đắk Glông công suất 10.000 tấn nguyên liệu/năm.

b) Giai đoạn 2016 - 2020:

- Nâng cấp nhà máy chế biến mù Cao su tại xã Đăk Lao, huyện Đăk Mil để nâng công suất nhà máy lên 3.000 tấn/năm.

- Nâng cấp nhà máy chế biến mù Cao su tại huyện Krông Nô lên công suất 10.000 tấn/năm.

- Xây dựng nhà máy chế biến Cao su tại huyện Đăk R'lấp, công suất 10.000 tấn mù khô/năm.

1.3. Chế biến Hồ tiêu:

a) Đến năm 2015: Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến Hồ tiêu xuất khẩu tại huyện Đăk R'lấp và tại xã Nâm N'Jiang, huyện Đăk Song, công suất mỗi nhà máy 10.000 tấn sản phẩm/năm.

b) Giai đoạn 2016 - 2020: Đầu tư nâng công suất nhà máy chế biến Hồ tiêu xuất khẩu tại huyện Đăk R'lấp lên 15.000 - 20.000 tấn sản phẩm/năm.

1.4. Chế biến hạt Điều:

- Hoàn thành và đưa vào hoạt động các dự án đã có chủ trương đầu tư: Nhà máy chế biến hạt Điều của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thành phố Hồ Chí Minh, công suất 2.000 tấn/năm và Công ty TNHH Đầu tư An Phú Hưng, công suất 10.000 tấn/năm.

- Đổi mới trang thiết bị để sản xuất sản phẩm nhân Điều xuất khẩu của các cơ sở chế biến hiện có: Huyện Đăk R'lấp (04 cơ sở), huyện Đăk Song (01 cơ sở) và tại Khu công nghiệp Tâm Thắng 02 cơ sở.

1.5. Chế biến Mía đường:

a) Đến năm 2015: Nâng công suất nhà máy của Công ty Cổ phần Mía đường Đăk Nông lên 2.500 tấn mía cây/ngày và 300.000 tấn mía cây/năm; sản lượng đường RE 25.000 - 30.000 tấn; đầu tư chiều sâu để phát huy hết công suất nhà máy.

b) Giai đoạn 2016 - 2020:

- Đầu tư xây dựng phân xưởng sản xuất Cồn từ rỉ mật, công suất 02 triệu lít/năm.

- Đầu tư xây dựng xưởng sản xuất các sản phẩm sau đường (các loại bánh, kẹo, vv...)

1.6. Công nghiệp chế biến tinh bột sắn:

Không xây dựng thêm cơ sở chế biến mới mà giữ nguyên công suất của 02 nhà máy chế biến tinh bột sắn hiện có trên địa bàn các huyện: Đăk Song và Đăk R'lấp; đầu tư hệ thống xử lý nước thải, chất thải nhằm xử lý triệt để việc ô nhiễm môi trường và lắp đặt các dây chuyền chế biến các sản phẩm Cồn, phân vi sinh tận dụng nguồn nguyên liệu từ chế biến tinh bột sắn.

1.7. Chế biến Cồn:

a) Đến năm 2015: Giữ nguyên công suất nhà máy chế biến Cồn công nghiệp tại Khu công nghiệp Tâm Thắng, công suất 150.000 lít/ngày nguyên liệu từ sản khô; đưa vào vận hành nhà máy sản xuất cồn tại huyện Đắk Song công suất 45.000 tấn/năm, đầu tư công nghệ thu hồi CO₂ lỏng sau sản xuất cồn.

b) Giai đoạn 2016 - 2020: Xây dựng mới 01 nhà máy sản xuất Cồn công suất 5.000 - 10.000 từ tấn/năm từ nguyên liệu thực vật (mía, ngô, sắn...) và vỏ trái Điều trên địa bàn huyện Tuy Đức hoặc huyện Đắk R'lấp.

1.8. Chế biến bông xơ:

Tập trung đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, xây dựng các trạm thu mua nguyên liệu, hỗ trợ chi phí giống, kỹ thuật canh tác, bao tiêu toàn bộ sản phẩm cho người trồng bông; đáp ứng đủ nguyên liệu cho nhà máy chế biến bông xơ tại Khu công nghiệp Tâm Thắng.

1.9. Chế biến dầu thực vật, sữa đậu nành:

a) Giai đoạn đến năm 2015: Xây dựng cơ sở chế biến dầu thực vật công suất từ 01 - 02 triệu lít/năm và cơ sở sản xuất sữa đậu nành phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu công suất 05 triệu lít sữa đậu nành/năm tại Khu công nghiệp Tâm Thắng.

b) Giai đoạn 2016 - 2020: Xây dựng nhà máy chế biến dầu thực vật tại Cụm công nghiệp Thuận An thuộc địa bàn huyện Đắk Mil, công suất 1 - 2 triệu lít/năm.

1.10. Chế biến Ca cao:

Xây dựng nhà máy chế biến Ca cao bột công suất 10.000 tấn/năm tại huyện Đắk Mil.

1.11. Chế biến rau, củ, quả:

a) Chế biến khoai lang: Xây dựng các cơ sở chế biến khoai lang công suất mỗi cơ sở từ 5.000 - 10.000 tấn nguyên liệu/năm tại các huyện: Đắk Song, Tuy Đức và huyện Đắk Glong.

b) Chế biến nước ép trái cây:

- Đưa vào hoạt động cơ sở chế biến các loại hoa quả và nước ép trái cây tại xã Quảng Tín, huyện Đắk R'lấp, công suất 4.500 tấn sản phẩm/năm.

- Xây dựng Nhà máy chế biến trái cây, củ, quả tại huyện Tuy Đức, công suất 5.000 tấn/năm.

- Xây dựng Nhà máy chế biến trái cây, củ, quả tại Cụm công nghiệp Thuận An, huyện Đắk Mil, công suất 1.000 tấn/năm:

- Xây dựng các cơ sở chế biến trái cây (Bơ, Mít, sầu riêng, Mãng cụt) tại Cụm công nghiệp Thuận An, Cụm công nghiệp Nhân Cơ, công suất mỗi cơ sở từ 10.000 tấn - 15.000 tấn/năm.

1.12. Chế biến lương thực:

a) Quy hoạch nhà máy chế biến gạo:

- Đến năm 2015: Xây dựng nhà máy chế biến gạo tại huyện Krông Nô, công suất 5.000 tấn/năm phục vụ nhu cầu tại chỗ và dự trữ quốc gia.

- Giai đoạn 2016 - 2020: Đầu tư nâng cấp nhà máy chế biến gạo tại huyện Krông nô, đạt công suất 10.000 tấn/năm.

b) Quy hoạch chế biến tinh bột ngô: Xây dựng 03 nhà máy chế biến tinh bột ngô, tổng công suất 40.000 - 50.000 tấn sản phẩm năm tại các huyện có sản lượng ngô lớn như: Krông Nô, Cư Jút, Đắk Mil.

1.13. Công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi:

a) Đến năm 2015: Xây dựng nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi tại xã Ea Pô, huyện Cư Jút, công suất 10.000 tấn sản phẩm/năm.

b) Giai đoạn 2016 - 2020:

- Đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi tại các huyện: Krông Nô, Đắk Mil, Đắk Glong mỗi nhà máy công suất 10.000 tấn sản phẩm/năm.

- Đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi tại các huyện: Đắk Song, Tuy Đức, mỗi nhà máy công suất 10.000 tấn sản phẩm/năm. Nâng công suất của các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đạt 50.000 tấn vào năm 2020.

1.14. Quy hoạch các cơ sở giết mổ tập trung và chế biến súc sản:

a) Quy hoạch các cơ sở giết mổ tập trung:

- Đến năm 2015:

+ Tổ chức sắp xếp lại các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; chấm dứt hoạt động các cơ sở không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ Xây dựng 01 cơ sở giết mổ gia súc tập trung công nghiệp công suất 250 gia súc/ngày, sản lượng thịt xẻ khoảng 15 tấn/ngày tại Cụm công nghiệp Nhân Cơ.

- Giai đoạn 2016 - 2020:

+ Xây dựng mới 02 cơ sở giết mổ gia súc tập trung tại xã Nam Dong, huyện Cư Jút, công suất 15 tấn sản phẩm/ngày.

+ Đến 2020 toàn tỉnh có 19 cơ sở giết mổ tập trung, trong đó: Thị xã Gia Nghĩa (02 cơ sở), Cư Jút (02 cơ sở), Krông Nô (02 cơ sở), Đắk Mil (02 cơ sở), Đắk Song (03 cơ sở), Đắk Glong (02 cơ sở), Đắk R'lấp (03 cơ sở), Tuy Đức (03 cơ sở).

b) Chế biến súc sản:

- Đến năm 2015: Xây dựng cơ sở chế biến gia súc, gia cầm và các sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm (thịt tươi, thịt ướp lạnh, thịt hộp, xúc xích, vv...) tại các Cụm công nghiệp: Nhân Cơ, Thuận An, Khu công nghiệp Tâm Thắng, công suất mỗi nhà máy 5.000 tấn/năm.

- Giai đoạn 2016 - 2020: Nâng cấp nhà máy chế biến thịt gia cầm tại Cụm công nghiệp Nhân Cơ lên 15.000 tấn/năm.

1.15. Quy hoạch chế biến sữa:

Phát triển các cơ sở chế biến sữa, chế biến các sản phẩm sữa tiệt trùng, sữa chua, kem sữa các loại với quy mô hộ gia đình.

1.16. Trồng và chế biến Dược liệu:

Quy hoạch vùng trồng dược liệu sạch tại các huyện: Đắk Glong, Đắk R'lấp. Trước mắt kêu gọi đầu tư xây dựng 01 cơ sở chế biến Dược liệu tại Cụm công nghiệp BMC Đắk Ha và 01 cơ sở tại huyện Đắk Glong. Vốn đầu tư 30 tỷ đồng/dự án.

1.17. Chế biến thủy sản:

Quy hoạch 01 cơ sở chế biến tại Cụm Công nghiệp BMC Đắk Ha. 01 cơ sở chế biến tại huyện Đắk Glong với công suất 3.000 - 5.000 tấn nguyên liệu/năm.

1.18. Chế biến nông sản khác:

a) Chế biến trà xuất khẩu: Giữ nguyên công suất chế biến của công ty TNHH Trà Jun Chow, 180 tấn sản phẩm/năm tại phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa.

b) Chế biến đậu đỗ:

- Đến năm 2015, giữ nguyên số lượng, công suất cơ chế biến đậu phộng xuất khẩu đã có trên địa bàn huyện Cư Jút (Công ty TNHH Pagôđa - Malaysia), công suất 5.000 tấn nguyên liệu/năm và cơ sở chế biến đậu phộng của Công ty TNHH Tắt Thắng, công suất 3.000 tấn nguyên liệu/năm.

- Giai đoạn 2016 - 2020, quy hoạch 01 cơ sở chế biến các sản phẩm từ đậu tương tại huyện Cư Jút, công suất 20.000 - 30.000 tấn nguyên liệu năm.

2. Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản khác:

2.1. Đến năm 2015:

- Tổ chức sản xuất nhằm phát huy hết công suất các cơ sở chế biến lâm sản đã có trên địa bàn tỉnh; từng bước đầu tư cơ sở trang thiết bị theo hướng tinh chế; đóng cửa các xưởng không đủ nguồn nguyên liệu; chỉ cho phép các xưởng hoạt động khi tuân thủ các yêu cầu, đổi mới thiết bị, có nguồn nguyên liệu ổn định và di dời vào nơi quy hoạch.

- Đầu tư và hoạt động nhà máy sản xuất giấy và bột giấy tại xã Đắk Som, huyện Đắk Glong.

- Đưa vào hoạt động cơ sở tinh chế gỗ của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Wil tại Khu công nghiệp Tâm Thắng, công suất 3.000 m³ sản phẩm/năm.

- Xây dựng nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu công suất 6.000 m³ năm tại huyện Cư Jút.

- Đầu tư xây dựng nhà máy mộc dân dụng công suất 5.000 m³ gỗ, tinh chế/năm tại huyện Đắk Glong.

- Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bột giấy theo công nghệ sinh học từ dăm gỗ và các phế phụ phẩm từ nông nghiệp (bã mía, thân cây lúa, ngô, đậu, cò...) công suất từ 6.000 -10.000 tấn/năm tại Khu công nghiệp Tâm Thắng.

2.2. Giai đoạn 2016 - 2020:

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp trang thiết bị và dây chuyền sản xuất tiên tiến, để sản xuất các sản phẩm tinh chế giá thành hạ, chi phí nguyên liệu thấp. Khuyến khích các cơ sở chế biến sử dụng nguyên liệu từ gỗ rừng trồng.

- Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất đồ mộc tại huyện mới (Đức Xuyên), công suất 100.000 sản phẩm/năm.

- Đầu tư xây dựng mỗi huyện ít nhất một làng nghề mây tre đan, mộc thủ công mỹ nghệ.

- Đầu tư đổi mới trang thiết bị nâng công suất các cơ sở chế biến hiện có đảm bảo công suất 20.000 m³/năm.

2.3. Rà soát, di dời các xưởng chế biến lâm sản hiện có:

Đến năm 2015, phải hoàn thành việc rà soát, di dời 54 xưởng chế biến hiện có trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

a) Các cơ sở chế biến gỗ không phải di dời:

STT	Tên đơn vị có xưởng chế biến gỗ	Địa điểm đang hoạt động xưởng chế biến gỗ
I	Huyện Cư Jút	
1	Công ty Cổ phần chế biến gỗ Hưng Thịnh	Khu công nghiệp Tâm Thắng
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Wil	Khu công nghiệp Tâm Thắng
3	Công ty TNHH chế biến gỗ Hải Sen	Thị trấn Ea Tlinh
4	Doanh nghiệp tư nhân chế biến gỗ Khánh Công	Thị trấn Ea Tlinh
II	Huyện Đắk Mil	
5	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Đại Thành	Thị trấn Đắk Mil
III	Huyện Đắk Song	
6	Công ty TNHH N&S	Xã Nam N'jang
7	Công ty Cổ phần kỹ nghệ gỗ MDF Long Việt	Xã Thuận Hạnh
IV	HUYỆN ĐẮK GLONG	
8	Công ty TNHH MTV Gia Nghĩa (Xưởng chế biến lâm sản Đắk Ha)	Khu công nghiệp BMC Đắk Ha

STT	Tên đơn vị có xưởng chế biến gỗ	Địa điểm đang hoạt động xưởng chế biến gỗ
9	Công ty TNHH MTV Gia Nghĩa (Xưởng chế biến gỗ Cầu 25)	Xã Quảng Sơn
10	Công ty TNHH Thái Thịnh	Xã Đắc Ha
11	Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại Hợp Tiến	Xã Quảng Sơn
12	Doanh nghiệp tư nhân Thúy Vân	Cụm công nghiệp Thuận An

b) Các cơ sở chế biến gỗ phải di dời vào các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp của các địa phương:

TT	Tên đơn vị có xưởng chế biến gỗ	Địa điểm đang hoạt động xưởng chế biến
I	Huyện Đắc Mil	
1	Doanh nghiệp tư nhân Minh Chánh Đắc Nông	Xã Đắc Lao
2	Doanh nghiệp tư nhân chế biến lâm sản 27/7	Xã Đắc R'la
3	Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại và dịch vụ Ngọc Hoàng Đắc Nông	Xã Thuận An
4	Công ty TNHH Hiệp Phát	Xã Thuận An
5	Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Tuyết	Xã Thuận An
6	Doanh nghiệp tư nhân Vĩnh Cường	Xã Đắc Lao
7	Doanh nghiệp tư nhân Bảo Thịnh	Xã Đắc Lao
8	Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Long	Xã Đức Minh
9	Doanh nghiệp tư nhân Thanh Loan	Xã Đức Minh
10	Công ty TNNN Vũ Tường	Xã Đắc R'la
11	Công ty TNHH thương mại và tổng hợp Nghĩa Thành	Xã Đắc R'la
12	Công ty TNHH Ngọc Phương	Xã Đắc R'la
II	Huyện Đắc R'lấp	
13	Công ty TNHH MTV Trùng Phong	Xã Nhân Cơ
14	Doanh nghiệp tư nhân Công Danh	Xã Quảng Tín
15	Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam	Xã Đắc Ru
III	Huyện Đắc Glong	
16	Doanh nghiệp tư nhân Quốc Triệu	Xã Quảng Sơn

TT	Tên đơn vị có xưởng chế biến gỗ	Địa điểm đang hoạt động xưởng chế biến
17	Công ty TNHH Hồng Đăng	Xã Quảng Sơn
18	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Măng.	Xã Đắk Som
19	Công ty TNHH Cường Phát	Xã Đắk Som
20	Công ty Cổ phần Mạnh Thông Đắk Nông	Xã Quảng Khê
IV	Thị xã Gia Nghĩa	
21	Công ty TNHH MTV Gia Nghĩa (Xưởng chế biến lâm sản Nghĩa Tín)	Phường Nghĩa Thành
22	Công ty TNHH MTV Gia Nghĩa (Xưởng chế biến gỗ và lâm sản phụ Đắk Nĩa)	Xã Đắk Nĩa
V	Huyện Tuy Đức	
23	Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Gia	Xã Quảng Trục
24	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên,	Xã Quảng Trục
25	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Tín (02 xưởng)	Xã Đắk Ngo
26	Doanh nghiệp tư nhân Anh Thư	Xã Đắk Buk So
27	Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Thiên Triệu	Xã Đắk Buk So
28	Công ty TNHH MTV An Phú	Xã Quảng Trục
29	Hợp tác xã Nông lâm nghiệp thương mại dịch vụ Tấn Phát	Xã Quảng Trục
VI	Huyện Krông Nô	
30	Công ty TNHH Hải Sơn (Chi nhánh xưởng chế biến lâm sản)	Xã Quảng Phú
31	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Nung	Xã Nam Nung
32	Hợp tác xã Kinh doanh tổng hợp Hải Nam	Xã Quảng Phú
VII	Huyện Đắk Song	
33	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trường Xuân	Xã Trường xuân
34	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đức Hòa	Xã Đắk Hòa
35	Công ty TNHH MTV Phương Hà Phát	Xã Nam Bình
36	Công ty TNHH Hải Sơn (Chi nhánh xưởng chế biến)	Xã Đắk Hòa
37	Công ty TNHH MTV Thuận Tân	Xã Nam N'jang

c) Các xưởng chế biến gỗ chấm dứt hoạt động:

STT	Tên đơn vị có xưởng chế biến gỗ	Địa điểm xưởng chế biến gỗ
1	Công ty TNHH MTV Gia Nghĩa (Xưởng chế biến lâm sản Quảng Khê)	Xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong
2	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại dịch vụ	Xã Cư Knia,

	Ngọc Hoàng Đắc Nông	huyện Cư Jút
3	Công ty TNHH MTV Chánh Hưng Đắc Nông	Xã Cư Knia, huyện Cư Jút
4	Doanh nghiệp tư nhân Hùng Cường	Xã Đạo Nghĩa, huyện Đắc R'lấp

III. Một số giải pháp thực hiện quy hoạch:

1. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp:

Các địa phương khẩn trương hoàn thành việc quy hoạch chi tiết và đầu tư cơ sở hạ tầng các Cụm công nghiệp để đi dõn và sắp xếp các cơ sở chế biến gỗ vào Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp theo đúng kế hoạch.

2. Phát triển vùng nguyên liệu:

Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, áp dụng các tiến bộ khoa học, sử dụng các giống cao sản, có năng suất cao, an toàn dịch bệnh; áp dụng đồng bộ các biện pháp canh tác, đầu tư thâm canh để tạo ra các sản phẩm có chất lượng, độ đồng đều cao, đáp ứng yêu cầu nguyên liệu cho chế biến.

Thực hiện tốt việc liên kết giữa người sản xuất, nhà doanh nghiệp và nhà khoa học theo Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng; khuyến khích các hình thức liên doanh liên kết giữa nhà máy và các hộ dân có đất để phát triển vùng nguyên liệu. Xây dựng các điểm hoặc trạm thu mua nguyên liệu, các trạm này vừa có nhiệm vụ phát triển vùng nguyên liệu, giúp nông dân kỹ thuật sản xuất và tổ chức ký kết các hợp đồng thu mua nguyên liệu, giúp cho vùng nguyên liệu phát triển bền vững, đảm bảo đủ nguyên liệu cho nhà máy hoạt động hết công suất và hạ giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh.

Thực hiện chính sách giao đất, giao rừng để phát triển vùng nguyên liệu, đặc biệt là quy hoạch vùng trồng rừng nguyên liệu gắn với các nhà máy chế biến.

3. Giải pháp thị trường:

Nhà nước hỗ trợ các doanh nghiệp chế biến nói chung và chế biến nông, lâm sản nói riêng về thông tin thị trường tiêu thụ và quảng bá sản phẩm thông qua tổ chức các hội chợ triển lãm thương mại về sản phẩm của công nghiệp chế biến để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh giới thiệu sản phẩm của mình đến với người tiêu dùng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng, tiếp thị, quảng cáo, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Trích ngân sách hoặc vận động các doanh nghiệp đóng góp lập quỹ phát triển thị trường, tổ chức các hội chợ giới thiệu sản phẩm.

4. Đào tạo nguồn nhân lực:

Tăng cường đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động bằng nhiều hình thức, loại hình đào tạo như đào tạo tại chỗ, kết hợp gửi đi đào tạo tại các trung tâm lớn trong và ngoài tỉnh để đáp ứng yêu cầu lao động có tay nghề cao cho sản xuất.

Thực hiện chính sách tuyển cử học sinh là người đồng bào các dân tộc thiểu số vào học nghề, trung cấp, đại học tạo nguồn nhân lực tại chỗ giải quyết việc làm, khuyến khích các doanh nghiệp liên kết với các cơ sở đào tạo để hỗ trợ kinh phí đào tạo cho sinh viên theo học các ngành có nhu cầu phát triển và tiếp nhận vào làm tại các doanh nghiệp sau khi tốt nghiệp.

Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 04/QĐ - UBND ngày 10/01/2011 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020.

5. Giải pháp về khoa học, công nghệ:

Nghiên cứu, phổ biến và đưa vào trồng các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, không dịch bệnh.

Nghiên cứu ứng dụng các thiết bị, dây chuyền có công nghệ tiên tiến, hiện đại trong chế biến nông, lâm sản.

Xây dựng các mô hình trình diễn giúp cho người sản xuất, các hộ nông dân dễ dàng tiếp cận được khoa học kỹ thuật mới. Thực hiện chính sách khuyến khích các cơ sở sử dụng, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật cao vào sản xuất.

Hiện đại hoá từng công đoạn trong các dây chuyền sản xuất, chế biến, nhằm nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh cho các sản phẩm công nghiệp chế biến trên thị trường trong nước và thế giới.

Triển khai các chương trình ứng dụng công nghệ kỹ thuật cao vào sản xuất thông qua công nghệ sinh học; công nghệ thông tin; công nghệ vật liệu mới và công nghệ năng lượng sạch theo hình thức tổ chức khu nông nghiệp công nghệ cao (400 - 500 ha) để xây dựng các mô hình trình diễn. Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và tổ chức ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất. Nghiên cứu sản xuất giống cây trồng vật nuôi, giống cây lâm nghiệp có chất lượng tốt.

Triển khai các mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, ưu tiên các nhóm: Cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả, rau củ quả, trồng rừng nguyên liệu. Hình thành chăn nuôi an toàn tập trung nhằm tạo ra vùng nguyên liệu ổn định lâu dài.

Ứng dụng công nghệ kỹ thuật cao vào công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch, chế biến các sản phẩm chăn nuôi an toàn vệ sinh thực phẩm đáp ứng yêu cầu người tiêu dùng. Ứng dụng công nghệ vi sinh để xử lý nước thải, chất thải bảo vệ môi trường.

Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 05/01/2011 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định về một số chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp chất lượng cao tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2010-2015.

6. Giải pháp bảo vệ môi trường và phòng, chống cháy nổ:

Kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ của các cơ sở công nghiệp phải đặt ra ngay từ khi cấp phép. Có cơ chế chính sách khuyến khích để các cơ sở chế biến di dời vào các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp tập trung nhằm quản lý và xử lý chất thải, tránh gây ô nhiễm môi trường. Các cơ sở chế biến phải đầu tư hệ thống xử lý nước thải, có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường, thực hiện tốt các yêu cầu về xử lý chất thải. Ưu tiên cấp phép cho các cơ sở chế biến có công nghệ tiên tiến ít gây ô nhiễm.

Phòng, chống cháy nổ tại các cơ sở chế biến phải được thực hiện đúng theo yêu cầu để đảm bảo an toàn cho người lao động và an toàn sản xuất, giảm thiểu rủi ro.

7. Các giải pháp về chính sách và thu hút đầu tư:

a) Chính sách đất đai:

Miễn giảm thuế, tiền thuê đất cho các cơ sở chế biến nông, lâm sản tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Ưu tiên, khuyến khích các hộ nông dân mở trang trại nông, lâm nghiệp bằng tích tụ đất đai hoặc thông qua chính sách cho thuê đất và giao đất nông, lâm nghiệp sử dụng lâu dài để trồng nguyên liệu phục vụ chế biến.

b) Chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư chế biến sản xuất vùng nguyên liệu:

- Ưu tiên khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các dự án trồng cây công nghiệp xuất khẩu, trồng rừng nguyên liệu, xây dựng các cơ sở chế biến nông, lâm sản.

- Hỗ trợ vốn, lãi suất cho vay, thuế sử dụng đất, khoan nợ, dẫn nợ đối với hộ nông dân, doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ chế biến hoặc di dời vào các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng tại các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp trên địa bàn như: giao thông, điện, nước để thu hút các nguồn vốn phát triển công nghiệp nói chung và ngành công nghiệp chế biến nói riêng.

c) Chính sách khuyến khích hỗ trợ đầu tư:

- Tổ chức thực hiện tốt chính sách hỗ trợ đầu tư theo nghị Quyết số 12/2013/NQ-HĐND ngày 19/7/2013 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành chính sách khuyến khích hỗ trợ đầu tư phát triển công nghiệp thương mại, du lịch và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Tổ chức thực hiện tốt Quyết định số 04/QĐ - UBND của UBND tỉnh Đắk Nông ngày 10/01/2011 về việc phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020.

d) Giải pháp vốn đầu tư:

- Vốn Ngân sách: Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc, khuyến nông, khuyến công, đào tạo nghề, vv...

- Vốn vay ODA để đầu tư cơ sở hạ tầng, tập trung cho giao thông, thủy lợi, cấp nước sản xuất, cấp nước sinh hoạt. Tạo môi trường thuận lợi để thu hút vốn đầu tư.

- Vốn tín dụng: là nguồn vốn thông qua các chương trình xóa đói giảm nghèo, vốn giải quyết việc làm, hỗ trợ sản xuất... cho người dân vay với lãi suất ưu đãi hoặc hỗ trợ lãi suất vay để đầu tư mua sắm trang thiết bị, đổi mới công nghệ hoặc sản xuất vùng nguyên liệu.

- Vốn tự có: là nguồn vốn của người dân, doanh nghiệp, chủ cơ sở chế biến nông lâm thủy sản tích lũy được sau quá trình phát triển sản xuất.

- Thực hiện cơ chế tạo vốn cho các doanh nghiệp từ các nguồn khấu hao, thuế thu nhập. Cho phép các doanh nghiệp khấu hao hết tài sản cố định được để lại phần khấu hao làm vốn phát triển sản xuất.

- Keos dài thời gian miễn thuế thu nhập cho các cơ sở đã đầu tư đổi mới công nghệ để tạo tiền trả vốn.

IV. Khái toán vốn đầu tư:

DVT: Triệu đồng				
STT	HẠNG MỤC	TỔNG	Đến năm 2015	2016-2020
1	CHẾ BIẾN NÔNG SẢN	1.567.500,0	582.500,0	985.000,0
1	Chế biến Cà phê	370.000,0	130.000,0	240.000,0
-	Chế biến Cà phê nhân	140.000,0	100.000	40.000,0
-	Chế biến Cà phê bột	230.000,0	30.000,0	200.000,0
2	Chế biến Cao su	167.500,0	22.500,0	145.000,0
3	Chế biến Hồ tiêu	60.000,0	50.000,0	10.000,0
4	Chế biến Điều	55.000,0	40.000,0	15.000,0
5	Chế biến Mía đường	50.000,0	20.000,0	30.000,0
6	Chế biến Cồn	360.000,0	-	360.000,0
7	Chế biến Bông	5.000,0	5.000,0	-
8	Chế biến dầu thực vật	80.000,0	50.000,0	30.000,0
9	Chế biến Ca cao	25.000,0	25.000,0	-
10	Chế biến khoai lang	10.000,0	10.000,0	-
11	Chế biến trái cây	95.000,0	75.000,0	20.000,0
12	Chế biến lương thực	95.000,0	25.000,0	60.000,0
13	Chế biến thức ăn chăn nuôi	100.000,0	80.000,0	20.000,0
14	Chế biến súc sản	65.000,0	30.000,0	35.000,0

STT	HẠNG MỤC	TỔNG	Đến năm 2015	2016-2020
15	Giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	30.000,0	10.000,0	20.000,0
II	CHẾ BIẾN LÂM SẢN	470.000,0	425.000,0	45.000,0
	TỔNG CỘNG	2.037.500	1.007.500	1.030.000

V. Các dự án ưu tiên, kêu gọi đầu tư:

1. Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi công suất 50.000 tấn sản phẩm/năm, tại thị xã Gia Nghĩa và các huyện Đắk Mil, Tuy Đức, Đắk Song và Krông Nô. Vốn đầu tư 90 tỷ đồng.

2. Dự án sản xuất thức ăn chăn nuôi tại xã Fa Pô, huyện Cư Jút 10.000 tấn sản phẩm/năm.

3. Cơ sở chế biến dầu và sữa đậu nành công suất 5.000 tấn/năm tại Khu công nghiệp Tâm Thắng, huyện Cư Jút. Vốn đầu tư 100 tỷ đồng.

4. Nhà máy chế biến tiêu xuất khẩu công suất 5.000 tấn năm tại huyện Đắk R'lấp. Vốn đầu tư 35 tỷ đồng.

5. Dự án trồng và chế biến Dược liệu, diện tích 40 ha, tại huyện Đắk R'lấp. Vốn đầu tư 30 tỷ đồng.

6. Dự án chế biến khoai lang công suất 70.000 tấn/năm tại huyện Đắk Song. Vốn đầu tư 132 tỷ đồng.

7. Dự án chế biến Cà phê thành phẩm 4.000 tấn/năm tại huyện Đắk Mil và huyện Đắk R'lấp. Vốn đầu tư 50 tỷ đồng.

8. Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc gia cầm tập trung công nghiệp tại huyện Đắk R'lấp, công suất 10 - 15 tấn sản phẩm/ngày. Vốn đầu tư 10 tỷ đồng.

9. Xây dựng cơ sở sản xuất và chế biến rau an toàn tại thị xã Gia Nghĩa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tổ chức công bố quy hoạch theo quy định; xây dựng kế hoạch phối hợp với các ngành chức năng tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch và quản lý quy hoạch.

- Phối hợp với các địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường kiểm tra, giám sát các cơ sở chế biến lâm sản.

- Tham mưu, đề xuất quy hoạch các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, đưa các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt, an toàn và sạch bệnh vào sản xuất để tạo ra nhiều sản phẩm cung cấp nguyên liệu ổn định cho công nghiệp chế biến.

2. Sở Công thương:

- Tham mưu cho UBND tỉnh danh mục các ngành, nghề công nghiệp chế biến được hưởng ưu đãi.

- Phối hợp với các doanh nghiệp, hiệp hội các ngành hàng tăng cường xúc tiến mở rộng thị trường trong và ngoài nước, tổ chức các dịch vụ hỗ trợ sản xuất với xuất khẩu nhằm đẩy mạnh phát triển công nghiệp.

- Tăng cường hoạt động khuyến công, tổ chức quản lý và sử dụng hợp lý kinh phí khuyến công để hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến.

3. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ, tiếp nhận ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới thiết bị trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất trên địa bàn trong việc thẩm định và triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đăng ký nhãn hiệu sản phẩm, thương hiệu hàng hóa theo quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính:

Phối hợp tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách đầu tư phát triển công nghiệp chế biến và vùng nguyên liệu; cân đối và huy động các nguồn lực, bố trí nguồn vốn thực hiện các mục tiêu dự án, đề án. Ưu tiên cấp phép đầu tư cho các cơ sở thuê đất tại các khu cụm, công nghiệp, các dự án sử dụng công nghệ kỹ thuật cao.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Triển khai thực hiện các giải pháp quy hoạch phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho công nghiệp chế biến trên địa bàn, đồng thời lập kế hoạch đào tạo nghề, đào tạo kỹ thuật, phục vụ quá trình phát triển các ngành công nghiệp trên địa bàn.

- Phối hợp với các cơ sở dạy nghề hướng dẫn đào tạo, bồi dưỡng dạy nghề và nghiệp vụ kinh doanh cho các cơ sở chế biến nông, lâm sản trên địa bàn.

6. Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Cụm công nghiệp do các huyện, thị xã quản lý:

Phối hợp với các ngành có liên quan, lập quy hoạch chi tiết các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp trình cấp thẩm quyền thẩm định phê duyệt theo quy định hiện hành tại Quyết định số 07/2012/QĐ - UBND ngày 16/4/2012 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các Khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; phối hợp chặt chẽ với các cấp các ngành thực hiện công việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư xây dựng cơ sở hạ tầng các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

7. Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh:

Phối hợp với các ngành chức năng quảng cáo, tiếp thị và kêu gọi đầu tư thực hiện các dự án theo Quyết định số 735/QĐ - UBND ngày 18/5/2011 của UBND tỉnh

Đắk Nông về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012 - 2015.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã:

- Trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt, UBND các huyện, thị xã lập kế hoạch tổ chức thực hiện.

- Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, kiểm tra, giám sát chặt chẽ các cơ sở chế biến trong quá trình hoạt động chế biến.

9. Đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp:

Chấp hành tốt các quy định của pháp luật trong hoạt động chế biến; các cơ sở chế biến phải di dời vào Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp thì khẩn trương liên hệ với các cơ quan chức năng để làm các thủ tục di dời theo kế hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

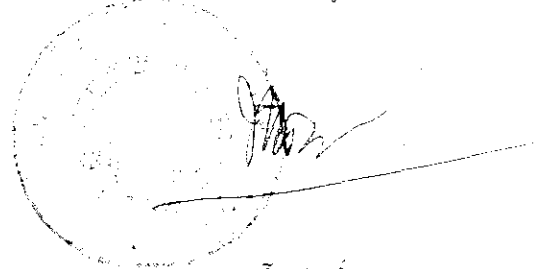
Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chỉ huy trưởng các Chi cục; Kiểm lâm, Lâm nghiệp, Phát triển Nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP: Hoàng Văn Thuận;
- Lưu VT, KHTH, NN (H)

12

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bón

